

Bản án số: 70/2023/HC-PT
Ngày 20/02/2023
V/v: “Khiếu kiện quyết định hành chính”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Ý
Các thẩm phán: Ông Võ Văn Khoa
Ông Vương Minh Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Bùi Văn Thành - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 650/2022/TLPT-HC ngày 21 tháng 10 năm 2022, về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số: 1342/2022/HC-ST ngày 18 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3177/2022/QĐ-PT ngày 15 tháng 12 năm 2022, giữa:

1. Người khởi kiện: Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1980 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số 73H Đường N, Phường 5, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của ông B: Bà Hà Thanh T, sinh năm 1987 (có mặt). Địa chỉ: Số 43 đường H, Phường 6, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh – Văn bản ủy quyền ngày 14/12/2018.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông B: Luật sư Phạm Vinh – Văn phòng luật sư Phụng Việt – Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

2. Người bị kiện:

2.1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh

2.2. Ủy ban nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ: Số 06 đường P, Phường 14, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của người bị kiện: Ông Hồ P – Phó Chủ tịch (vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

- Ông Nguyễn Quốc T – Phó trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường quận B (vắng mặt).

- Ông Phạm Đức A – Chuyên viên Phòng Tài nguyên và Môi trường quận B (vắng mặt).

- Ông Nguyễn Hà Vĩnh Tr – Chuyên viên Phòng Tài nguyên và Môi trường quận B (vắng mặt).

- Bà Ngô Thị H- Chuyên viên Phòng Tài nguyên và Môi trường quận B (có mặt).

- Ông Trần Trọng H1- Chuyên viên Phòng Tài nguyên và Môi trường quận B (vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ủy ban nhân dân Phường 5, quận B

Địa chỉ: Số 137 đường N, Phường 7, Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền: Ông Huỳnh Hữu P – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Phường 5, quận B (vắng mặt).

3.2. Bà Huỳnh Lê Phương A, sinh năm 1981. Địa chỉ: Số 73H Đường N, phường 5, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

3.3. Chùa L. Địa chỉ: Số 75 Đường N, phường 5, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

3.4. Chùa H. Địa chỉ: Số 75 Đường N, phường 5, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

Người kháng cáo: Ông Nguyễn Văn B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04/7/2019, đơn khởi kiện bổ sung ngày 04/11/2020, bản tự khai của ông B ngày 12/8/2019 và lời khai tại phiên tòa sơ thẩm của người đại diện ủy quyền cho ông B trình bày:

Ngày 07 tháng 02 năm 2018 ông B làm hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho căn nhà số 73H Đường N, Phường 5, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh theo như nội dung Thông báo số 12/TB-TNMT quận B, để thực hiện Công văn số 3418/UBND-ĐT ngày 05/06/2017 của Ủy ban nhân dân quận B về việc đẩy mạnh thực hiện đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân

cư. Phòng Tài nguyên và Môi trường đã thông báo đến ông Nguyễn Văn B tại địa chỉ 73H Đường N, Phường 5, quận B làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận lần đầu thời hạn đến 15/11/2017. Nếu không làm hồ sơ sẽ bị phạt vi phạm hành chính đối với hành vi không đăng ký đất đai lần đầu theo quy định của Nghị định số 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ. Là công dân ông B đã chấp hành quy định của nhà nước làm đúng thủ tục hồ sơ, đăng ký vẽ bản vẽ tại Trung tâm đo đạc của Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố, bản vẽ sơ đồ nhà đất 73H Đường N, phường 5, quận B được Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai quận B giám đốc Phạm Hoàng Thủy Nguyễn duyệt kiểm tra ngày 29/01/2018.

Nguồn gốc nhà đất tại 73H Đường N, phường 5, quận B do bà Nguyễn Thị Ba cho bà Mai Thị Bê sử dụng năm 1992, bà Mai Thị Bê lúc đó là người có công với cách mạng được Hội đồng nhà nước tặng thưởng huy chương kháng chiến hạng nhất. Năm 2003, bà Mai Thị Bê cho ông B căn nhà trên (do là người trong gia đình nên tại thời điểm năm 2005 khi cơ quan nhà nước tiến hành xác minh thì bà Mai Thị Bê đại diện tường trình). Ông Nguyễn Văn B đề nghị Ủy ban nhân dân quận B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với nhà đất tại số 73H Đường N, phường 5, quận B theo thông báo số 12/TB-TNMT của quận B.

Nay Ủy ban nhân dân quận B lại có công văn nói rằng nhà đất số 73H Đường N, phường 5, quận B thuộc thửa số 59, tờ bản đồ số 07, do Chùa L Tự kê khai là chủ sử dụng là không có cơ sở, vì nhà đất trên gia đình ông B là người sử dụng đất liên tục từ năm 1992 đến nay, không có ai tranh chấp hay khiếu nại gì. Người nào đang sử dụng đất ở liên tục, lâu dài không có tranh chấp phù hợp với quy hoạch thì được xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Cơ sở tôn giáo cũng là người sử dụng đất như các cá nhân, tổ chức khác cũng có quyền và nghĩa của người sử dụng đất nghĩa là cũng có quyền yêu cầu được cấp giấy chứng nhận cho phần đất của mình đang sử dụng ổn định, liên tục, lâu dài, không có ai tranh chấp. Tại khoản 4 Điều 5 Luật Đất đai 2013 thì cơ sở tôn giáo được xác định là một trong những người (gia đình, cá nhân, tổ chức) được sử dụng đất. Đất cơ sở tôn giáo (Khoản 1 Điều 159 Luật Đất đai 2013) *“Đất cơ sở tôn giáo gồm đất thuộc chùa, nhà thờ, nhà nguyện, thánh thất, thánh đường, niệm Phật đường, tu viện, trường đào tạo riêng của tôn giáo, trụ sở của tổ chức tôn giáo, các cơ sở khác của tôn giáo được Nhà nước cho phép hoạt động”*.

Nguồn gốc hình thành cơ sở tôn giáo theo Luật Đất đai 2013:

- Thông qua việc nhà nước giao quyền sử dụng đất (nhà nước giao đất) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có quyền giao đất đối với cơ sở tôn giáo có cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất như các cá nhân, tổ chức khác.
- Thông qua việc nhà nước công nhận quyền sử dụng đất đối với đất đang sử dụng ổn định (khoản 1 Điều 169 Luật Đất đai 2013) và được cấp giấy chứng nhận như các cá nhân tổ chức khác.

Ngày 21 tháng 01 năm 2019 Ủy ban nhân dân quận B ra Quyết định số 688/QĐ-UBND ngày 21/01/2019 về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn

Văn B, nội dung quyết định giữ nguyên Văn bản 3439/UBND-TNMT ngày 28/09/2018 của Ủy ban nhân dân quận B; không đúng những quy định đã viện dẫn trên. Do đó ông B khởi kiện hành chính ra Tòa án nhân dân Thành Phố Hồ Chí Minh, yêu cầu:

+ Hủy bỏ Quyết định số 688/QĐ-UBND ngày 21/01/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B;

+ Hủy bỏ Công văn số 3439/UBND ngày 28/9/2018 của Ủy ban nhân dân quận B về việc trả lời đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận của ông B.

+ Ủy ban nhân dân quận B phải cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với căn nhà số 73H Đường N, Phường 5, Quận B Thành phố Hồ Chí Minh cho ông B.

- *Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B và Ủy ban nhân dân quận B vắng mặt, đã gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến:*

Theo ông Nguyễn Văn B tường trình tại đơn đề ngày 07 tháng 02 năm 2018: căn nhà số 73H (số tự cho) đường Đường N, Phường 5, quận B có nguồn gốc do bà Mai Thị Bê (là mẹ của ông Nguyễn Văn B) xây dựng trên phần đất do bà Nguyễn Thị Ba cho vào năm 1992. Sau đó, bà Bê cho ông Nguyễn Văn B nhà đất trên bằng giấy tay vào năm 2003.

Theo Bản đồ địa chính lập năm 2002: nhà đất số 73H Đường N, Phường 5 thuộc một phần thửa số 59, tờ bản đồ số 7, do Chùa L Tự đứng tên.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số: 1342/2022/HC-ST ngày 18 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ các Điều 30, 32, 60, 74, 116, 157, 158, Điều 193 và 206 Luật Tổ tụng hành chính; Căn cứ các Điều 159, Điều 181 Luật Đất đai năm 2013; Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn B yêu cầu hủy:

- Quyết định 688/QĐ-UBND ngày 21/01/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn B.

- Văn bản số 3439/UBND-TNMT ngày 28/9/2018 của Ủy ban nhân dân quận B về việc trả lời đơn cho ông Nguyễn Văn B.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 23/8/2022 bà Hà Thanh T là người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của ông B kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu sửa án sơ thẩm theo hướng hủy các quyết định, văn bản hành chính trên và buộc UBND quận B phải thực hiện cấp giấy cho ông B.

Tại phiên tòa, bà Hà Thanh T giữ nguyên đơn kháng cáo, thống nhất với quan điểm của Luật sư bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện trình bày, như sau: Bà Mai Thị Bê (mẹ ông B) sử dụng diện tích 117,1m² đất từ năm 1992 đến nay và đã xây dựng nhà ở, đất không tranh chấp với ai. Năm 1999, bà Bê kê khai đăng ký nhà đất; đến năm 2017 gia đình ông B nhận thông báo làm hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với nhà đất tại số 73H Đường N, phường 5, quận B theo quy định của Chính phủ. Ông B đã nộp hồ sơ xin cấp giấy nhưng Công văn 3439 của UBND quận B cho rằng đất do Chùa L Tự kê khai là chủ sử dụng nên không cấp giấy cho ông B; sau đó, ông B khiếu nại và Chủ tịch UBND quận B ban hành Quyết định 688 giải quyết khiếu nại, không chấp nhận yêu cầu của ông B. Nay ông B có căn cứ chứng minh đất này không phải của Chùa L, vì năm 1967 bà Sừ là chủ sở hữu thửa đất, đã lập di chúc tặng cho toàn bộ thửa đất trên cho cháu là Phạm Thị Hoa; diện tích 117,1m² gia đình ông B quản lý sử dụng từ năm 1992 đến nay, nằm ngoài khuôn viên của Chùa L, không trùng với diện tích đất nhà nước đã cấp cho Chùa L. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn kháng cáo của ông B, sửa bản án sơ thẩm theo hướng hủy các quyết định hành chính trên và buộc UBND quận B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với nhà đất cho ông B.

Người bảo vệ quyền lợi, nghĩa vụ cho Chủ tịch và UBND quận B trình bày: Năm 1999, UBND Thành phố Hồ Chí Minh đã quy hoạch khu đất, trong đó có diện tích đất ông B xin cấp giấy, là đất tôn giáo. Theo bản đồ địa chính năm 2002, nhà đất số 73H Đường N, phường 5, quận B thuộc thửa số 59, tờ bản đồ số 07, do Chùa L Tự kê khai và là chủ sử dụng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử có căn cứ, đúng pháp luật nên đề nghị bác đơn kháng cáo của ông B, giữ y bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau: Về tố tụng, những người tiến hành tố tụng và các đương sự tuân thủ đúng theo quy định của Luật Tố tụng hành chính. Về nội dung kháng cáo, diện tích đất ông B xin cấp giấy có nguồn gốc của bà Phạm Thị Sừ, đã hiến để làm công quả cho Chùa L; phần đất ông B xin cấp giấy là của Chùa L. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông là đúng pháp luật; đề nghị bác đơn kháng cáo của ông B, giữ y bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Đơn kháng cáo của người đại diện hợp pháp của ông Nguyễn Văn B đúng theo quy định của pháp luật, hợp lệ nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[1]. Căn cứ đơn khởi kiện và khởi kiện bổ sung, ông B yêu cầu hủy Quyết định số 688/QĐ-UBND ngày 21/01/2019 của Chủ tịch UBND quận B và Công văn số 3439/UBND ngày 28/9/2018 của UBND quận B và yêu cầu cấp Giấy

CNQSDĐ, QSHN ở và tài sản khác gắn liền với đất nên đây là quan hệ hành chính về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính và hành vi hành chính”; thời hiệu khởi kiện vẫn còn và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, được quy định tại khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015.

[2]. Xét đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn B:

[2.1]. Nguồn gốc đất thuộc Bảng khoán 411, Hạnh Thông Xã diện tích 5.960m² do bà Phạm Thị Sửu đứng sổ bộ, trên phần đất này bà Phạm Thị Sửu xây dựng Chùa L từ năm 1940 và cho ni sư Xuân Diệu xây dựng tu viện Hoa Nghiêm (nay là Chùa H) từ năm 1958. Theo Trích sao Sổ điền thổ số 1680/TS-TTTLT ngày 11/9/2001 của Trung tâm thông tin lưu trữ tư liệu địa chính nhà đất thì diện tích đất 5.960m² đến ngày 30/4/1975, do bà Phạm Thị Sửu đứng bộ (BL: 65).

[2.2]. Ngày 20/7/1967, bà Phạm Thị Sửu lập Chứng thư dâng cúng huê lợi vào việc phụng tự và tu bổ cho chùa. Ngày 12/8/1967, bà Phạm Thị Sửu lập Di chúc cho cháu là Phạm Thị Hoa được quyền thừa hưởng miếng đất 5.960m² thuộc Bảng khoán 411 và có trách nhiệm trùng tu Chùa L để thờ cúng ông bà họ Phạm, di chúc được Ủy ban hành chính xã Hạnh Thông chứng thực (BL: 68, 136). Đến tháng 11/1967 bà Phạm Thị Sửu chết; năm 1982 bà Phạm Thị Hoa chết, không để lại di chúc.

[2.3]. Ngày 12/3/2018, Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà, gắn liền với tài sản trên đất cho Chùa L diện tích 382,1m², tại thửa 61, tờ bản đồ số 7; cấp ngày 12/3/2018 cho Chùa H diện tích 871,2m², tại thửa 17, tờ bản đồ số 17 (BL: 63, 64). Như vậy, có căn cứ xác định quyền sử dụng đất cấp cho Chùa L và Chùa H, không liên quan đến diện tích 117,1m² thuộc thửa 59 mà ông B xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà.

[2.4]. Theo xác nhận của UBND Phường 5, quận B thì năm 1992, bà Mai Thị Bê (mẹ ông B) lấn chiếm một phần đất, làm nơi kinh doanh phế liệu; đến năm 1994, bà Mai Thị Bê xây dựng nhà không phép, UBND Phường 5, quận B có lập biên bản vi phạm về hành vi xây dựng không phép của bà Mai Thị Bê. Do đó, có căn cứ xác định bà Mai Thị Bê sử dụng đất từ năm 1992, sau khi bà Phạm Thị Sửu và Phạm Thị Hoa chết trên 10 năm, không có người quản lý, sử dụng đất. Như vậy, theo Bản đồ địa chính lập năm 2002, Chùa L kê khai thửa đất 59, là không đúng quy định của pháp luật vì trước đó năm 1992, bà Mai Thị Bê đã quản lý, sử dụng đất trên 10 năm. Hơn nữa, tại phiên tòa người bảo vệ quyền lợi cho người bị kiện cũng thừa nhận thửa đất 59 nằm ngoài khuôn viên, tường bao của Chùa L và Chùa H. Tòa án cấp sơ thẩm đã đưa Chùa L và Chùa H vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; song Chùa L và Chùa H không tham gia tố tụng, cũng như không có bất kỳ ý kiến nào, điều này thể hiện quyền lợi của họ không bị xâm phạm và Chùa L, Chùa H không tranh chấp diện tích 117,1m² mà ông B xin cấp giấy.

[2.5]. Theo Quyết định số 4653/QĐ-UBND ngày 28/8/2013 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh về việc duyệt đề án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị 1/2000... thì thửa 59, quy hoạch là đất tôn giáo (BL: 100). Tuy nhiên, bà Mai Thị Bê (nay là ông B) sử dụng đất trước khi có quy hoạch; đến nay nhà nước cũng không có thông báo hay quyết định thu hồi đất. Tại điểm a khoản 2 Điều 28 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ quy định:

“2. UBND cấp tỉnh nơi có đất kiểm tra thực tế, xác định ranh giới cụ thể của thửa đất và quyết định xử lý theo quy định sau:

a. Diện tích đất mà tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đã sử dụng ổn định trước ngày 15/10/1993 thì căn cứ vào nhu cầu sử dụng đất của cơ sở tôn giáo và tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đó để giải quyết nhằm đảm bảo quyền lợi về sử dụng đất của các bên phù hợp với thực tế.”

Như vậy, đối với một phần diện tích đất của thửa 59 ông B xin cấp giấy, gia đình ông B đã sử dụng ổn định từ năm 1992 đến nay, Chùa L không quản lý, không sử dụng. Mặt khác, tại điểm a khoản 1 Điều 20 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ quy định:

“1. Hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất có nhà ở, công trình xây dựng khác từ trước ngày 15/10/1993; nay được UBND cấp xã nơi có đất xác nhận không có tranh chấp sử dụng đất; việc sử dụng đất tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp GCNQSDĐ, QSHN ở và tài sản khác gắn liền với đất là...hoặc không phù hợp với quy hoạch nhưng đã sử dụng đất từ trước thời điểm phê duyệt quy hoạch... thì được công nhận QSDĐ như sau:

a. Đối với thửa đất có nhà ở mà diện tích thửa đất nhỏ hơn hoặc bằng hạn mức công nhận đất ở quy định tại khoản 4 Điều 103 Luật Đất đai thì toàn bộ diện tích thửa đất được công nhận là đất ở.”

Đối chiếu với điều luật trên, gia đình ông B sử dụng ổn định diện tích 117,1m² tại một phần thửa 59, tờ bản đồ số 7 từ năm 1992 đến nay, không có tranh chấp; trên đất có nhà diện tích 117,1m² gồm 1 trệt và 1 lầu dùng để ở từ trước thời điểm có phê duyệt quy hoạch đất tôn giáo; đến nay cơ quan nhà nước có thẩm quyền cũng không có bất kì thông báo hay quyết định thu hồi đất nào. Do đó, ông B xin cấp GCNQSDĐ, QSHN ở và tài sản khác gắn liền với đất là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 101 Luật Đất đai năm 2013. Phần đất ông B xin cấp giấy không có chùa, cơ sở vật chất và chưa được UBND Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy cho cơ sở tôn giáo nhưng Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng Điều 159, Điều 181 Luật Đất đai năm 2013, bác yêu cầu khởi kiện của ông B là chưa phù hợp.

[3]. Trình bày của Luật sư và người đại diện cho ông B yêu cầu hủy Quyết định 688/QĐ-UBND ngày 21/01/2019 của Chủ tịch UBND quận B về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn B và hủy Văn bản số 3439/UBND-TNMT ngày 28/9/2018 của UBND quận B, yêu cầu cấp Giấy CNQSDĐ, QSHN ở và tài sản khác gắn liền với đất, tại số 73H đường Đường N, Phường 5, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cho ông B, là có căn cứ nên Hội

đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn B, sửa bản án sơ thẩm. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

Ủy ban nhân dân quận B và Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B phải chịu án phí hành chính sơ thẩm, ông B không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015.

I. Chấp nhận đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn B; Sửa Bản án hành chính sơ thẩm số: 1342/2022/HC-ST ngày 18 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh như sau:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116, Điều 157, Điều 158, Điều 193 và Điều 206 Luật Tổ tụng hành chính; Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 20, điểm a khoản 2 Điều 28 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ và khoản 1 Điều 101 Luật Đất đai năm 2013; Căn cứ khoản 2 Điều 34 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn B:

- Hủy Quyết định 688/QĐ-UBND ngày 21/01/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B về việc giải quyết khiếu nại cho ông Nguyễn Văn B.

- Hủy Văn bản số 3439/UBND-TNMT ngày 28/9/2018 của Ủy ban nhân dân quận B về việc trả lời đơn cho ông Nguyễn Văn B.

- Ủy ban nhân dân quận B thực hiện nhiệm vụ công vụ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền đất tại số 73H đường Đường N, Phường 5, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cho ông Nguyễn Văn B đúng theo quy định của pháp luật.

2. Án phí hành chính sơ thẩm:

Ủy ban nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh phải chịu 300.000 đồng;

Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh phải chịu 300.000 đồng;

Hoàn trả 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp cho ông Nguyễn Văn B theo Biên lai thu số 0024016 ngày 16/7/2019 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

II. Về án phí hành chính phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn B không phải chịu, hoàn trả 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp cho ông Nguyễn Văn B theo Biên lai thu số 0002891 ngày 07/9/2022 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

III. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại Tp. Hồ Chí Minh;
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cục THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu VP(6), HS(1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Văn Ý